TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2019
"V/v Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Ông Trương Văn Kiệt**

Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Phạm Thị Kiếm**

2. Ông Nguyễn Phước Lộc

Thư ký phiên toà: **Ông Phạm Ngọc Chí** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Ông Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia và đình thụ lý số: 261/2019/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc: *"Ly hôn và nuôi con chung",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn**: **Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Suối M, xã DT, huyện PQ, tỉnh KG

2- **Bị đơn**: **Anh Nguyễn Xuân H**, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Suối M, xã DT, huyện PQ, tỉnh KG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2019, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày: Vào năm 2009 chị Nh và anh H tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã DT, huyện PQ, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28-10-2009. Thời gian đầu

mới cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng năm 2013 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, anh H thường xuyên chửi, nhục mạ, xúc phạm đến danh dự úy tín nhân phẩm của chị Nh, nhiều lần hăm dọa đánh đập, thậm chí dọa giết vợ con rồi tự sát.

Anh H đã có người phụ nữ khác, nhận thấy vợ chồng sống hạnh phúc, chị Nh đã ly thân với anh H khoảng gần 04 tháng nay. Năm 2017 chị Nh có làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án PQ đã được Tòa án thụ lý giải quyết nhưng anh H không chịu ly hôn xin chị Nh tha thứ, để có cơ hội sửa đổi bản thân, chị Nh chấp nhận nên rút đơn kiện, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo quyết định số: 50/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017. Tuy nhiên, sau khi Tòa án đình chỉ vụ án thì và anh H được ông bà, cha mẹ nội ngoại nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H cũng không thay đổi nên chị Nh quyết định tiếp tục khởi kiện xin ly hôn.

Quá trình sống chung vợ chồng sinh được một người con là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 25-8-2008. Chị và anh H có tạo dựng được tài sản chung là một phần đất diện tích khoảng 500m^2 tại ấp Suối M, xã DT, huyện PQ, chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các tài sản khác. Về phần tài sản này vợ chồng tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng không nợ ai và cũng không cho cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Xuân H; Về con chung: Xin được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 25-8-2008 nếu cháu P có nguyện vọng ở với chị Nh. Cháu P ở với chị Nh thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu P ở với anh H thì chị không đồng ý cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải 27-8-2019, bị đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:** Năm 2007 anh H và chị Nh yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã DT, huyện PQ theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 28-10-2009. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị Nhân thường xuyên đi chơi đêm và về khuya, vì vậy vợ chồng thường cãi nhau. Nhiều lần đi chơi rồi chụp hình với người đàn ông khác, trong lúc vợ chồng tranh cãi có xúc phạm đến chị Nh, nhưng mâu thuẫn không đến mức vợ chồng phải ly hôn. Năm 2017

chị Nh có làm đơn xin ly hôn với anh H nhưng chị Nhân rút đơn ly hôn được Tòa án PQ dình chỉ giải quyết theo quyết định số: 50/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017. Quá trình chung sống anh và chị Nh sinh được 01 người con tên Nguyễn Xuân P, sinh ngày 25-8-2008, hiện tại vợ chồng đang nuôi dưỡng. Có tạo dựng được tài sản chung như chị Nh trình bày, vợ chồng cam kết không nợ ai cũng không ai nợ.

Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ Nh; Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 25-8-2008, cháu P đã trên 7 tuổi muốn sống với mẹ hay với cha thì theo nguyện vọng của cháu P, trường hợp cháu sống với anh H thì anh H không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Nếu sống với chị Nh thì anh H không đồng ý cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận phân chia tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cam kết không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng.

*** Cháu Nguyễn Xuân P ý kiến như sau:** Cháu là con của chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Nguyễn Xuân H, hiện nay con đang học lớp 6. Nay chị Nh, anh H ly hôn cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ, đây là nguyện vọng chính đáng của cháu.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham dự phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nh được ly hôn với anh H; Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao cháu P cho chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chị Nh không yêu cầu, đề nghị miễn xét; Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nh, anh H không yêu cầu, đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Năm 2009 chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Nguyễn Xuân H yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, ngày 28-10-2009 HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nhân, anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa chị Nguyễn Thị Mỹ Nh xác định không thể tiếp tục chung sống với anh H, có lần chị Nhân đã làm đơn ly hôn với anh H nhưng vì thương con nên chị Nh đã rút đơn lại đồng thời cũng tạo cơ hội cho anh H sửa đổi bản tính của mình vì thế Tòa án đã đình chỉ vụ án theo quyết định số: 50/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017. Tuy nhiên, sau khi cho anh H cơ hội khắc phục nhưng anh H vẫn không chịu sửa đổi mà kiếm cớ để tạo ra mâu thuẫn với chị Nh, khi chị khởi kiện lại vụ án ly hôn Tòa án đang thụ lý giải quyết thì anh H dùng dao có ý định chém chị Nh nhưng được người nhà can ngăn, kết quả người nhà bị thương tích ở tay. Nay thì tình cảm giữa vợ chồng không thể hàn gắn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đã sống ly thân với nhau hơn bốn tháng nay, chị Nh không còn yêu thương anh H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Xét lời khai nại của anh H cho rằng anh H vẫn còn yêu thương chị Nh, mẫu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, HĐXX thấy rằng tình cảm giữa vợ chồng chị Nh, anh H có nhiều mâu thuẫn là đúng, vì năm 2017 chị Nh đã nộp đơn xin ly hôn với anh H, sau đó tự nguyện rút lại đơn Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án, để vợ chồng tự hàn gắng với nhau nhưng cũng không đạt kết quả, chị Nh và anh H không thể xây dựng được gia đình hạnh phúc. Mặt khác, theo kết quả xác minh tại địa phương nơi cư trú của chị Nh và anh H cho thấy giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến xô xác lẫn nhau, khi xô xác chị Nh có trình báo cho chính quyền địa

phương biết, chính quyền địa phương có nhiều lần khuyên vợ chồng hàn gắng nhưng không đạt được kết quả. Do vậy, chị Nh làm đơn khởi kiện để xin ly hôn với anh H là có căn cứ. Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận nghị án HĐXX bác toàn bộ lời khai nại của anh H, chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nh về việc xin ly hôn với anh H là phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Xuân H xác định vợ chồng sống chung sinh được một người con là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 25-8-2008, chị Nh và anh H đều có điều kiện và yêu cầu được nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, cháu P đến nay đã hơn 7 tuổi xét nguyện vọng của cháu P muốn được sống với chị Nh. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất giao cháu P cho chị Nh chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp. Chị Nh không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên HĐXX miễn xét.

Không ai có quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh và anh Nguyễn Xuân H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và cam kết không nợ ai cũng không ai nợ, HĐXX miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 147; 227; 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 9; 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 25-8-2008 cho chị Nguyễn Thị Mỹ Nh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi đủ trưởng thành (18 tuổi).

- Về cấp dưỡng: HĐXX miễn xét.

- Không ai được quyền ngăn cản quyền gặp gỡ thăm và chăm sóc con chung.Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ chung: HĐXX miễn xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002900 ngày 13-8-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Quốc, chị Nh đã thực hiện xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành ánh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Anh H vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú) để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện PQ;
- T.H.A DS huyện PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Văn Kiệt